

Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán A+  
22 Trần Kim Xuyên, Cầu Giấy, Hà Nội  
Tel: +84 24 320 68568 | Website: aplus.org.vn | Fax: +84 24 320 68569



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 4**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 26



# CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 4

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông số 4 trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông số 4 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 4568 /QĐ-BGTVT ngày 03/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải về Cổ phần hóa Đoạn Quản lý Đường thủy Nội địa số 4 thành Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông số 4; Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2300882483 ngày 05/3/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp và thay đổi giấy đăng ký kinh doanh lần thứ 5 (năm) ngày 15/03/2023.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2300882483 ngày 15/03/2023 là 11.600.000.000 đồng (Mười một tỷ sáu trăm triệu đồng). được chia thành 1.160.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND/cổ phần

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 4

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: NO.4 INLAND WATERWAY MANAGEMENT JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: INWAMA-NO4

Trụ sở chính của Công ty tại: Đường Huyền Quang, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Dương Hải Thanh	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Phi Trường	Thành viên
	Ông Phạm Hồng Minh	Thành viên
	Ông Nguyễn Văn Tạng	Thành viên
	Ông Trần Văn Ôn	Thành viên
	Ông Vũ Xuân Trường	Thành viên
	Ông Trịnh Đình Kiêm	Thành viên
<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Phạm Hồng Minh	Giám đốc
	Ông Trần Văn Ôn	Phó Giám đốc
	Ông Trịnh Đình Kiêm	Phó Giám đốc

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán A+.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



**Phạm Hồng Minh**

**Giám đốc**

*Bắc Ninh, ngày 10 tháng 04 năm 2024*





Số: 43/2024/BCKT-BCTC/A+

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
của Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông số 4

**Kính gửi:**           **Các cổ đông**  
                          **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
                          **CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 4**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông số 4, được lập ngày 10 tháng 04 năm 2024, từ trang 05 đến trang 26, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Đỗ Tuấn Thành**

**Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số:  
4321-2021-325-1

**CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN A+**

*Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2024*

A blue ink signature of Đinh Văn Thắng.

**Đinh Văn Thắng**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số:  
1147-2021-325-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>62.859.944.739</b>	<b>76.602.922.904</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>3.294.142.468</b>	<b>5.029.586.713</b>
1. Tiền	111		3.294.142.468	5.029.586.713
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>50.942.622.089</b>	<b>61.754.043.545</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	31.467.314.346	32.089.061.387
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	180.946.851	742.428.163
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	1.250.000.000	1.500.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	18.044.360.892	27.422.553.995
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>8.237.106.472</b>	<b>9.377.841.540</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.6	8.237.106.472	9.377.841.540
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>386.073.710</b>	<b>441.451.106</b>
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.12	386.073.710	441.451.106
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>8.051.636.999</b>	<b>8.269.599.012</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>6.913.893.302</b>	<b>7.393.294.095</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	6.913.893.302	7.393.294.095
- Nguyên giá	222		33.702.553.896	32.594.513.896
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.788.660.594)	(25.201.219.801)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>413.518.518</b>	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		413.518.518	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>724.225.179</b>	<b>876.304.917</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	724.225.179	876.304.917
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>70.911.581.738</b>	<b>84.872.521.916</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>58.273.390.373</b>	<b>70.680.540.310</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>58.273.390.373</b>	<b>70.680.540.310</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	5.577.090.143	3.665.641.742
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.10	3.099.443.871	9.528.307.909
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	2.099.304.007	1.341.471.033
4. Phải trả người lao động	314		-	337.156.147
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	-	354.829.090
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	14.063.846.866	24.038.484.314
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	33.026.454.985	31.164.231.180
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		407.250.501	250.418.895
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>12.638.191.365</b>	<b>14.191.981.606</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.15</b>	<b>12.638.191.365</b>	<b>14.191.981.606</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		11.600.000.000	11.600.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		11.600.000.000	11.600.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		117.000.000	117.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		778.000.000	778.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		143.191.365	1.696.981.606
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		143.191.365	1.696.981.606
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>70.911.581.738</b>	<b>84.872.521.916</b>

Bắc Ninh, ngày 10 tháng 04 năm 2024

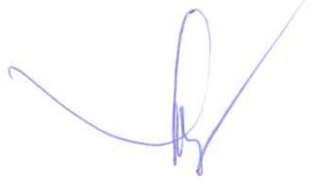
Người lập biểu

\*Kế toán trưởng

Giám đốc



Chu Thị Thập



Vũ Xuân Trường




Phạm Hồng Minh



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.16	107.075.435.154	106.199.259.406
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		107.075.435.154	106.199.259.406
4. Giá vốn hàng bán	11	5.17	90.885.463.319	89.143.190.208
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>16.189.971.835</b>	<b>17.056.069.198</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.18	187.544.402	5.063.261
7. Chi phí tài chính	22	5.19	2.907.346.414	2.414.299.607
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>2.907.346.414</i>	<i>2.414.299.607</i>
8. Chi phí bán hàng	25	5.20	2.956.404.337	3.150.098.328
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.20	9.463.953.199	9.024.143.311
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(25+26))</b>	<b>30</b>		<b>1.049.812.287</b>	<b>2.472.591.213</b>
11. Thu nhập khác	31	5.21	1.254.159	-
12. Chi phí khác	32	5.21	474.970.040	281.091.364
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>		<b>(473.715.881)</b>	<b>(281.091.364)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)</b>	<b>50</b>		<b>576.096.406</b>	<b>2.191.499.849</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.22	432.905.041	494.518.243
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>143.191.365</b>	<b>1.696.981.606</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.23	123,44	1.000,00

Bắc Ninh, ngày 10 tháng 04 năm 2024

Người lập biểu

Kê toán trưởng

Giám đốc

Chu Thị Thập

Vũ Xuân Trường



Phạm Hồng Minh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		576.096.406	2.191.499.849
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		1.587.440.793	1.515.580.373
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(187.544.402)	(5.063.261)
- Chi phí lãi vay	06		2.907.346.414	2.414.299.607
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		4.883.339.211	6.116.316.568
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		10.953.150.469	(20.989.138.982)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.140.735.068	(3.560.222.000)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(14.264.194.848)	9.378.351.261
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		152.079.738	(258.648.412)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.907.346.414)	(2.414.299.607)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(594.915.541)	(55.603.271)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(380.150.000)	(360.137.494)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(1.017.302.317)</b>	<b>(12.143.381.937)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.521.558.518)	(336.707.879)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		101.192.785	5.063.261
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(1.420.365.733)</b>	<b>(331.644.618)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền thu từ đi vay	33		80.956.283.496	66.791.675.149
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(79.094.059.691)	(56.669.707.315)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.160.000.000)	(1.044.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>702.223.805</b>	<b>9.077.967.834</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b> (50 = 20+30+40)	<b>50</b>		<b>(1.735.444.245)</b>	<b>(3.397.058.721)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>5.029.586.713</b>	<b>8.426.645.434</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b> (70 = 50+60+61)	<b>70</b>	<b>5.1</b>	<b>3.294.142.468</b>	<b>5.029.586.713</b>

Người lập biểu

Chu Thị Thập

Kế toán trưởng

Vũ Xuân Trường

Bắc Ninh, ngày 10 tháng 04 năm 2024

Giám đốc



Phạm Hồng Minh



# CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông số 4 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 4568 /QĐ-BGTVT ngày 03/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải về Cổ phần hóa Đoạn Quản lý Đường thủy Nội địa số 4 thành Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông số 4; Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2300882483 ngày 05/3/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp và thay đổi giấy đăng ký kinh doanh lần thứ 5 (năm) ngày 15/03/2023.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2300882483 ngày 15/03/2023 là 11.600.000.000 đồng (Mười một tỷ sáu trăm triệu đồng), được chia thành 1.160.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND/cổ phần

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 4

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: NO.4 INLAND WATERWAY MANAGEMENT JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: INWAMA-NO4

Trụ sở chính của Công ty tại: Đường Huyền Quang, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

#### 1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy. Chi tiết: Quản lý bảo trì đường thủy nội địa. Điều tiết đảm bảo an toàn giao thông đường thủy; điều tiết chống va trôi mùa lũ; thanh thải chướng ngại vật trên tuyến đường thủy, nạo vét đường thủy;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Khai thác khoáng sản trên sông.
- Đóng tàu và cầu kiện nổi;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn khảo sát thiết kế công trình giao thông, tư vấn thiết kế các công trình đường thủy, tư vấn giám sát thi công các công trình đường thủy;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện thủy; sản xuất lắp đặt phao tiêu báo hiệu đường thủy;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;



## CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

- Cung ứng và quản lý nguồn lao động. (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của Pháp luật);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Mua bán, cho thuê phương tiện đường thủy, đường bộ. Đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện;
- Thi Công xây dựng, sửa chữa Công trình giao thông thủy, bộ, dân dụng và thủy lợi.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Điều tiết, bảo trì vận tải đường thủy nội địa, kinh doanh dầu, hoạt động quản lý đường thủy nội địa; mua bán xăng dầu.

### 1.3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2023, Công ty có Chi nhánh trực thuộc:

STT	Tên Công ty	Trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy nội địa số 4 - Chi nhánh Trạm quản lý đường thủy nội địa Bắc Giang	Số 86 đường Châu Xuyên, Phường Lê Lợi, Thành phố Bắc Giang, Bắc Giang	Điều tiết, bảo trì vận tải đường thủy nội địa
2	Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy nội địa số 4 - Chi nhánh Trạm quản lý đường thủy nội địa Quang Châu	Thôn Đạo Ngạn, Phường Quang Châu, Thị xã Việt Yên, Bắc Giang	Điều tiết, bảo trì vận tải đường thủy nội địa
3	Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy nội địa số 4 - Chi nhánh Trạm quản lý đường thủy nội địa Lục Nam	Thôn Già Khê, Thị trấn Đồi Ngô, Huyện Lục Nam, Bắc Giang	Điều tiết, bảo trì vận tải đường thủy nội địa
4	Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy nội địa số 4 - Chi nhánh Trạm quản lý đường thủy nội địa Bồ Hạ	Phố Gia Lâm, Thị trấn Bồ Hạ, Huyện Yên Thế, Bắc Giang	Điều tiết, bảo trì vận tải đường thủy nội địa
5	Chi nhánh Trạm Quản lý đường thủy nội địa Đa Phúc Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy nội địa số 4	Xóm Công Thương, Phường Thuận Thành, Thành phố Phố Yên, Thái Nguyên	Điều tiết, bảo trì vận tải đường thủy nội địa
6	Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông số 4 - Chi nhánh Nam Định	Km32 Sông Đào thôn Phạm Xá, Xã Yên Nhân, Huyện ý Yên, Nam Định	Điều tiết, bảo trì vận tải đường thủy nội địa
7	Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông số 4 - Chi nhánh 402	Số 118, đường Huyền Quang, Phường Đại Phúc, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Điều tiết, bảo trì vận tải đường thủy nội địa
8	Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông số 4 - Chi nhánh 401	Số 118, đường Huyền Quang, Phường Đại Phúc, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Điều tiết, bảo trì vận tải đường thủy nội địa
9	Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông số 4 - Chi nhánh Đầu tư - Xây dựng	Đường Huyền Quang, Phường Đại Phúc, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Xây dựng công trình
10	Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông số 4 - Chi nhánh Xăng Dầu	Đường Huyền Quang, Phường Đại Phúc, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Kinh doanh xăng dầu
11	Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông số 4 - Chi nhánh 403	Thôn Đạo Ngạn, Phường Quang Châu, Thị xã Việt Yên, Bắc Giang	Điều tiết, bảo trì vận tải đường thủy nội địa

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

12	Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông số 4 - Chi nhánh Công trình	Số 118, đường Huyền Quang, Phường Đại Phúc, Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh	Xây dựng công trình
13	Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông số 4 - Chi nhánh 406	Số 118, đường Huyền Quang, Phường Đại Phúc, Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh	Điều tiết, bảo trì vận tải đường thủy nội địa
14	Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông số 4 - Chi nhánh 405	Số 118, đường Huyền Quang, Phường Đại Phúc, Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh	Điều tiết, bảo trì vận tải đường thủy nội địa

#### 1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

#### 1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

### 2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### Năm tài chính

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

### 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.

#### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Báo cáo tài



## CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

#### **Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

#### Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

#### **Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

##### Các khoản cho vay

Là các khoản cho vay theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

#### **Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với Chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có



## CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

#### Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

#### Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

##### a. Nguyên tắc kế toán

##### Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

##### b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2023	Năm 2022
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10-50 năm	10-50 năm
Máy móc, thiết bị	03-07 năm	03-07 năm
Phương tiện vận tải	07-15 năm	07-15 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 năm	05 năm

#### Chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian phân bổ.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích nhưng không quá 3 năm.

#### **Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### **Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

#### **Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

#### **Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.



**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

***Doanh thu hợp đồng xây dựng:***

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

• Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế.

Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

Mức ưu đãi thuế trên không áp dụng với các khoản thu nhập khác. Các khoản thu nhập khác này chịu mức thuế suất 20%.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	166.502.097	316.790.305
Tiền gửi ngân hàng	3.127.640.371	4.712.796.408
<b>Cộng</b>	<b>3.294.142.468</b>	<b>5.029.586.713</b>

**5.2 Phải thu khách hàng**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>31.467.314.346</b>	<b>32.089.061.387</b>
Cục Đường thủy Nội địa Việt Nam	5.302.978.812	13.082.871.300
Công ty Cổ phần Vận tải Á Đông	4.548.419.858	5.374.430.978
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thủy Hoàng Phát	5.788.261.371	2.322.038.677
Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bắc Ninh	1.977.973.000	1.977.973.000
Phòng Quản lý Đô thị thành phố Từ Sơn	740.759.000	2.616.375.387
Các khoản phải thu khách hàng khác	13.108.922.305	6.715.372.045
<b>b. Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>31.467.314.346</b>	<b>32.089.061.387</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.3 Trả trước cho người bán**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>180.946.851</b>	<b>742.428.163</b>
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại 568	80.000.000	80.000.000
Công ty TNHH MTV Hải Linh Bắc Ninh	-	280.603.862
Công ty TNHH Du lịch tàu thuyền Minh Trí	-	214.000.000
Trả trước đối tượng khác	100.946.851	167.824.301
<b>b. Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>180.946.851</b>	<b>742.428.163</b>

**5.4 Phải thu về cho vay**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>1.250.000.000</b>	<b>1.500.000.000</b>
Trình Đình Sớm	1.000.000.000	1.000.000.000
Nguyễn Tiến Huy	250.000.000	500.000.000
<b>b. Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.250.000.000</b>	<b>1.500.000.000</b>

**5.5 Phải thu khác**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>18.044.360.892</b>	-	<b>27.422.553.995</b>	-
- Tạm ứng	1.647.842.034	-	2.445.092.274	-
- Ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	1.274.343.190	-	2.175.796.418	-
- Phải thu các đội, xí nghiệp	13.036.595.406	-	21.868.931.570	-
- Phải thu lãi cho vay	86.351.617	-	-	-
- Phải thu khác gồm:	1.999.228.645	-	932.733.733	-
<b>b. Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>18.044.360.892</b>	-	<b>27.422.553.995</b>	-

**5.6 Hàng tồn kho**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí SX KDDD	7.291.066.147	-	6.414.377.665	-
Hàng hóa	946.040.325	-	2.963.463.875	-
<b>Cộng</b>	<b>8.237.106.472</b>	-	<b>9.377.841.540</b>	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.7 Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2023	10.490.578.353	1.054.901.870	21.003.033.673	46.000.000	32.594.513.896
Tăng trong năm	171.600.000	-	936.440.000	-	1.108.040.000
Mua trong năm	171.600.000	-	936.440.000	-	1.108.040.000
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2023	10.662.178.353	1.054.901.870	21.939.473.673	46.000.000	33.702.553.896
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2023	6.329.872.095	815.781.442	18.009.566.264	46.000.000	25.201.219.801
Tăng trong năm	725.897.736	73.323.648	788.219.409	-	1.587.440.793
Khấu hao trong năm	725.897.736	73.323.648	788.219.409	-	1.587.440.793
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2023	7.055.769.831	889.105.090	18.797.785.673	46.000.000	26.788.660.594
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại 01/01/2023	4.160.706.258	239.120.428	2.993.467.409	-	7.393.294.095
Tại 31/12/2023	3.606.408.522	165.796.780	3.141.688.000	-	6.913.893.302

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.8 Chi phí trả trước**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	-	-
<b>b. Dài hạn</b>	724.225.179	876.304.917
Chi phí công cụ, dụng cụ	204.013.529	216.586.727
Chi phí đào tạo, chi phí sửa chữa	520.211.650	659.718.190
<b>Cộng</b>	<b>724.225.179</b>	<b>876.304.917</b>

**5.9 Phải trả người bán**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>5.577.090.143</b>	<b>5.577.090.143</b>	<b>3.665.641.742</b>	<b>3.665.641.742</b>
Công ty Cổ phần Petro Times	345.105.500	345.105.500	-	-
Công ty CP Đảm bảo an toàn Đường thủy Mạnh Hưng	684.119.326	684.119.326	553.486.000	553.486.000
Hợp tác xã Cổ phần Mùa Xuân	302.220.000	302.220.000	367.550.000	367.550.000
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Đại Tâm	968.740.720	968.740.720	968.740.720	968.740.720
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Giao thông Kinh Bắc	30.000.000	30.000.000	967.750.569	967.750.569
Công ty TNHH TM và DV Trung Điền	351.494.000	351.494.000	351.494.000	351.494.000
Phải trả đối tượng khác	2.895.410.597	2.895.410.597	456.620.453	456.620.453
<b>b. Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>5.577.090.143</b>	<b>5.577.090.143</b>	<b>3.665.641.742</b>	<b>3.665.641.742</b>

**5.10 Người mua trả tiền trước**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.099.443.871</b>	<b>9.528.307.909</b>
BQLDA Đầu tư Xây dựng các Công trình Giao thông, Nông nghiệp Bắc Giang	1.689.604.000	7.540.000.000
BQLDA Đầu tư Xây dựng Thành phố Bắc Giang	-	650.000.000
Đối tượng khác	1.409.839.871	1.338.307.909
<b>Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.099.443.871</b>	<b>9.528.307.909</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.11 Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước***Đơn vị tính: VND*

	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2023
<b>Phải nộp</b>	<b>1.341.471.033</b>	<b>3.595.802.572</b>	<b>2.837.969.598</b>	<b>2.099.304.007</b>
Thuế giá trị gia tăng	846.952.790	2.981.903.504	2.062.060.030	1.766.796.264
Thuế thu nhập doanh nghiệp	494.518.243	432.905.041	594.915.541	332.507.743
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	163.994.027	163.994.027	-
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	-	17.000.000	17.000.000	-
<b>Phải thu</b>	<b>441.451.106</b>	<b>117.270.275</b>	<b>61.892.879</b>	<b>386.073.710</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	1.024.241	1.024.241
Thuế thu nhập cá nhân	441.451.106	117.270.275	59.868.638	384.049.469
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	-	-	1.000.000	1.000.000

**5.12 Chi phí phải trả**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	-	<b>354.829.090</b>
Chi phí sửa chữa tài sản	-	245.454.545
Chi phí thuê tài sản	-	109.374.545
<b>Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>354.829.090</b>

**5.13 Các khoản phải trả phải nộp**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>14.063.846.866</b>	<b>24.038.484.314</b>
Bảo hiểm xã hội	-	378.111.070
Bảo hiểm y tế	-	1.000.800
Bảo hiểm thất nghiệp	-	222.400
Phải trả, phải nộp khác	14.063.846.866	23.659.150.044
<i>Phải trả các xí nghiệp, các trạm</i>	<i>14.037.913.304</i>	<i>23.649.386.044</i>
<i>Đối tượng khác</i>	<i>25.933.562</i>	<i>9.764.000</i>
<b>Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>14.063.846.866</b>	<b>24.038.484.314</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.14 Vay và Nợ thuê tài chính**

	31/12/2023		Phát sinh trong năm			01/01/2023	
	Số có khả năng trả nợ		Tăng	Giảm	Số có khả năng trả nợ		
	Giá trị	33.026.454.985			80.956.283.496	79.094.059.691	Giá trị
<b>a. Vay ngắn hạn</b>							
<i>Vay ngắn hạn</i>							
Ngân hàng TMCP Quốc dân Bắc Ninh	-	-	4.330.701.520	6.477.701.520	2.147.000.000	2.147.000.000	
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Bắc Ninh (1)	6.908.389.410	6.908.389.410	24.885.987.418	24.719.394.899	6.741.796.891	6.741.796.891	
Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng - CN Bắc Ninh (2)	14.951.484.640	14.951.484.640	42.689.051.878	40.841.816.200	13.104.248.962	13.104.248.962	
Vay cá nhân (3)	11.166.580.935	11.166.580.935	9.050.542.680	6.910.000.000	9.026.038.255	9.026.038.255	
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>							
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Bắc Ninh	-	-	-	145.147.072	145.147.072	145.147.072	
<b>Tổng</b>	<b>33.026.454.985</b>	<b>33.026.454.985</b>	<b>80.956.283.496</b>	<b>79.094.059.691</b>	<b>31.164.231.180</b>	<b>31.164.231.180</b>	

(1) Hợp đồng tín dụng số 2602-LAV-202301956 ngày 31/10/2023 giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Thành phố Bắc Ninh và Công ty Cổ phần Quản lý Đường số 4. Hạn mức cấp tín dụng: 12.000.000.000 đồng, trong đó, hạn mức cho vay là 7.000.000.000 đồng. Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh dầu Diezen, bảo trì đường thủy, xây dựng công trình. Thời gian duy trì hạn mức: tối đa 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này đến hết ngày 31/10/2024. Lãi suất: theo từng giấy nhận nợ cụ thể.

(2) Hợp đồng số BNH/22188 ngày 29/11/2022 giữa Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng chi nhánh Bắc Ninh và Công ty Cổ phần quản lý đường số 4. Hạn mức cho vay 15.000.000.000 đồng (Mười lăm tỷ đồng) Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn lưu động. Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng. Lãi suất được quy định cụ thể theo từng Khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo: Thế chấp bằng toàn bộ Tài sản gắn liền với đất và lợi thế quyền sử dụng cơ sở hạ tầng gắn liền với đất tại thửa đất số 20, tờ bản đồ số 64, Địa chỉ: Phường Đại phúc, TP Bắc Ninh và thửa đất số 107, tờ bản đồ số 77, Địa chỉ: Phường Võ Cường, TP Bắc Ninh theo Giấy chứng nhận QSD đất, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 188834, Số vào sổ cấp GCN: CT08273 do UBND tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 07/10/2015.

(3) Các hợp đồng vay cá nhân là hợp đồng không thời hạn, lãi vay 12%/năm. Trả lãi hàng quý. Mục đích: bổ sung vốn lưu động.



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Mẫu B 09-DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****5.15 Vốn chủ sở hữu****a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
<b>Số dư tại 01/01/2022</b>	11.600.000.000	117.000.000	678.000.000	1.705.859.626	14.100.859.626
Lãi trong năm trước	-	-	-	1.696.981.606	1.696.981.606
Phân phối lợi nhuận	-	-	100.000.000	(661.859.626)	(561.859.626)
Chia cổ tức (năm 2021)	-	-	-	(1.044.000.000)	(1.044.000.000)
<b>Số dư tại 31/12/2022</b>	<b>11.600.000.000</b>	<b>117.000.000</b>	<b>778.000.000</b>	<b>1.696.981.606</b>	<b>14.191.981.606</b>
<b>Số dư tại 01/01/2023</b>	11.600.000.000	117.000.000	778.000.000	1.696.981.606	14.191.981.606
Lãi trong năm nay	-	-	-	143.191.365	143.191.365
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(536.981.606)	(536.981.606)
Chia cổ tức (năm 2022)	-	-	-	(1.160.000.000)	(1.160.000.000)
<b>Số dư tại 31/12/2023</b>	<b>11.600.000.000</b>	<b>117.000.000</b>	<b>778.000.000</b>	<b>143.191.365</b>	<b>12.638.191.365</b>

Đơn vị tính: VND

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Vốn Nước ngoài	-	-
Vốn góp của các cổ đông khác	11.600.000.000	11.600.000.000
<b>Cộng</b>	<b>11.600.000.000</b>	<b>11.600.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại đầu năm	11.600.000.000	11.600.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	11.600.000.000	11.600.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>1.160.000.000</b>	<b>1.044.000.000</b>

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>1.160.000</b>	<b>1.160.000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>1.160.000</b>	<b>1.160.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	1.160.000	1.160.000
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Cổ phiếu phổ thông	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>1.160.000</b>	<b>1.160.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	1.160.000	1.160.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**5.16 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng hóa	66.691.650.345	61.898.553.837
Doanh thu Hợp đồng xây dựng	40.383.784.809	44.300.705.569
<b>Cộng</b>	<b>107.075.435.154</b>	<b>106.199.259.406</b>

**5.17 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn hàng hóa thành phẩm	63.937.737.921	59.003.157.839
Giá vốn Hợp đồng xây dựng	26.947.725.398	30.140.032.369
<b>Cộng</b>	<b>90.885.463.319</b>	<b>89.143.190.208</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.18 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	187.544.402	5.063.261
<b>Cộng</b>	<b>187.544.402</b>	<b>5.063.261</b>

**5.19 Chi phí hoạt động tài chính**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền vay	2.907.346.414	2.414.299.607
<b>Tổng</b>	<b>2.907.346.414</b>	<b>2.414.299.607</b>

**5.20 Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>a. Chi phí bán hàng</b>	<b>2.956.404.337</b>	<b>3.150.098.328</b>
Chi phí nhân viên	1.691.235.898	1.099.193.446
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	228.097.418	456.517.923
Chi phí dùng cụ, đồ dùng	13.144.433	11.121.850
Chi phí khấu hao TSCĐ	531.139.692	531.139.692
Chi phí dịch vụ mua ngoài	100.727.845	107.787.049
Chi phí bằng tiền khác	392.059.051	944.338.368
<b>b. Chi phí quản lý</b>	<b>9.463.953.199</b>	<b>9.024.143.311</b>
Chi phí nhân viên quản lý	5.932.237.933	5.250.942.690
Chi phí vật liệu quản lý	215.078.278	186.671.819
Chi phí đồ dùng văn phòng	133.167.842	217.963.595
Chi phí khấu hao TSCĐ	545.054.100	548.750.042
Thuế phí và lệ phí	280.422.050	150.552.019
Chi phí dịch vụ mua ngoài	111.523.893	124.897.874
Chi phí bằng tiền khác	2.246.469.103	2.544.365.272
<b>Cộng</b>	<b>12.420.357.536</b>	<b>12.174.241.639</b>

**5.21 Thu nhập khác/ Chi phí khác**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>a. Thu nhập khác</b>		
Thu nhập khác	1.254.159	-
<b>Cộng</b>	<b>1.254.159</b>	-
<b>b. Chi phí khác</b>		
Giảm trừ kinh phí cứu nạn	-	160.056.149
Các khoản phạt, truy thu	474.362.963	121.035.215
Chi phí khác	607.077	-
<b>Cộng</b>	<b>474.970.040</b>	<b>281.091.364</b>
<b>Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)</b>	<b>(473.715.881)</b>	<b>(281.091.364)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 4**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.22 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế</b>	<b>576.096.406</b>	<b>2.191.499.849</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế (cổ tức được nhận)	-	-
Chi phí lãi vay theo ND 132	1.113.458.735	-
Chi phí không hợp lệ	474.970.040	281.091.364
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>2.164.525.181</b>	<b>2.472.591.213</b>
Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>432.905.041</b>	<b>494.518.243</b>
Thuế thu nhập theo thuế suất thông thường	432.905.041	494.518.243
<b>Cộng</b>	<b>432.905.041</b>	<b>494.518.243</b>

**5.23 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2023	Năm 2022
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)</b>	<b>143.191.365</b>	<b>1.696.981.606</b>
Các khoản điều chỉnh		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm (*)</i>	-	536.981.606
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	<b>143.191.365</b>	<b>1.160.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	1.160.000	1.160.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>123,44</b>	<b>1.000,00</b>

(\*) Phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 446/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/05/2023 về việc phân phối lợi nhuận năm 2022.



6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Số dư và giao dịch các bên liên quan

Giao dịch các bên liên quan

Chức danh	Năm 2023	Năm 2022	
	VND	VND	
<i>Thù lao thành viên Hội đồng quản trị</i>			
Phạm Hồng Minh	18.000.000	18.000.000	
Nguyễn Phi Trường	-	6.000.000	
Phạm Văn Hanh	-	6.000.000	
Nguyễn Văn Tặng	18.000.000	18.000.000	
Trần Văn Ôn	18.000.000	12.000.000	
Vũ Xuân Trường	18.000.000	12.000.000	
Trịnh Đình Kiêm	18.000.000	12.000.000	
<i>Thù lao thành viên Ban kiểm soát</i>			
Nguyễn Thị Hằng	-	6.000.000	
Trần Thị Thoan	-	4.000.000	
Lê Cao Khánh	-	4.000.000	
Phạm Văn Hanh	18.000.000	12.000.000	
Nguyễn Thị Hằng	12.000.000	8.000.000	
<i>Lương Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc</i>			
Dương Hải Thanh	Chủ tịch HĐQT	468.400.000	361.661.000
Phạm Hồng Minh	Thành viên HĐQT	443.380.000	345.713.500
	Giám đốc		
Nguyễn Phi Trường	Thành viên HĐQT	270.400.000	264.956.000
Nguyễn Văn Tặng	Thành viên HĐQT	261.400.000	249.508.500
Trần Văn Ôn	Thành viên HĐQT	295.600.000	267.058.500
	Phó Giám đốc		
Trịnh Đình Kiêm	Thành viên HĐQT	298.000.000	267.058.500
	Phó Giám đốc		
Vũ Xuân Trường	Thành viên HĐQT	265.000.000	221.662.000

6.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của toàn Công ty đã được kiểm toán với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Người lập biểu



Chu Thị Thập

Kế toán trưởng



Vũ Xuân Trường

Bắc Ninh, ngày 10 tháng 04 năm 2024

Giám đốc



Phạm Hồng Minh